

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung kinh phí giải quyết chế độ đối với cán bộ  
dân số - kế hoạch hoá gia đình xã, phường, thị trấn  
phải nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Y tế tại các công văn: số 2145/BYT-TCDS ngày 13 tháng 4 năm 2010, số 126/TTr-BYT ngày 08 tháng 02 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ mức 350.000 đồng/mỗi năm công tác đối với cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình tại xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) phải nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức, đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có đủ ba năm (36 tháng) trở lên làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình cấp xã;

- Không đủ tiêu chuẩn để tuyển dụng thành viên chức làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình cấp xã; không tiếp tục làm công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình hoặc không được bố trí làm công tác khác tại xã.

**Điều 2.**

1. Bổ sung từ dự toán chi cải cách tiền lương của ngân sách Trung ương năm 2009 chuyển sang năm 2010 là 14.087.500.000 đồng (mười bốn tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm ngàn đồng) cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo phụ lục số 1 đính kèm) để hỗ trợ cán bộ dân số - kế hoạch hoá gia đình cấp xã phải nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức theo qui định tại Điều 1.

2. Các tỉnh, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương (theo phụ lục số 2 đính kèm) sử dụng ngân sách địa phương để bảo đảm chế độ cho cán bộ dân số - kế hoạch hoá gia đình cấp xã phải nghỉ việc do sắp xếp lại tổ chức theo quy định tại Điều 1.

3. Giao Bộ Tài chính thông báo bổ sung kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo khoản 1 Điều này.

**Điều 3.** Giao Bộ Y tế hướng dẫn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng: Tài chính, Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo phụ lục 1 và 2 đính kèm) và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- TTCP, các Phó Thủ tướng;
- VPCP: BTCN, các Phó Chủ nhiệm, các Vụ: TH, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (3). **90**



**Nguyễn Tấn Dũng**



**Phụ lục 1**

**NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÁC ĐỊA PHƯƠNG GIẢI QUYẾT  
CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH XÃ,  
PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHẢI NGHỈ VIỆC DO SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010  
của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: đồng*

Số TT	Tỉnh, thành phố	NSTW hỗ trợ
1	2	3
	<b>Tổng số</b>	<b>14.087.500.000</b>
<b>I</b>	<b>Đông Bắc</b>	<b>3.642.450.000</b>
01	Hà Giang	63.700.000
02	Tuyên Quang	290.500.000
03	Cao Bằng	444.500.000
04	Lạng Sơn	472.850.000
05	Lào Cai	223.300.000
06	Yên Bái	348.250.000
07	Thái Nguyên	364.700.000
08	Bắc Kạn	290.850.000
09	Phú Thọ	585.550.000
10	Bắc Giang	558.250.000
<b>II</b>	<b>Tây Bắc</b>	<b>1.187.900.000</b>
11	Hoà Bình	574.000.000
12	Sơn La	364.350.000
13	Lai Châu	144.900.000
14	Điện Biên	104.650.000
<b>III</b>	<b>Đồng bằng Sông Hồng</b>	<b>2.688.000.000</b>
15	Hải Dương	573.650.000
16	Hưng Yên	332.150.000
17	Bắc Ninh	315.350.000
18	Hà Nam	131.950.000
19	Nam Định	328.300.000
20	Ninh Bình	341.250.000
21	Thái Bình	665.350.000
<b>IV</b>	<b>Bắc Trung Bộ</b>	<b>3.423.700.000</b>
22	Thanh Hóa	1.451.450.000
23	Nghệ An	885.850.000
24	Hà Tĩnh	392.000.000
25	Quảng Bình	308.350.000
26	Quảng Trị	274.050.000
27	Thừa Thiên Huế	112.000.000

<b>V</b>	<b>Duyên hải miền Trung</b>	<b>972.300.000</b>
28	Quảng Nam	188.650.000
29	Quảng Ngãi	286.300.000
30	Bình Định	185.150.000
31	Phú Yên	56.000.000
32	Ninh Thuận	85.400.000
33	Bình Thuận	170.800.000
<b>VI</b>	<b>Tây Nguyên</b>	<b>668.150.000</b>
34	Đắk Lắk	136.150.000
35	Đắk Nông	66.500.000
36	Gia Lai	287.000.000
37	Kon Tum	93.450.000
38	Lâm Đồng	85.050.000
<b>VII</b>	<b>Đông Nam Bộ</b>	<b>165.900.000</b>
39	Bình Phước	80.850.000
40	Tây Ninh	85.050.000
<b>VIII</b>	<b>ĐB Sông Cửu Long</b>	<b>1.339.100.000</b>
41	Long An	44.800.000
42	Tiền Giang	573.300.000
43	Bến Tre	139.300.000
44	Trà Vinh	157.150.000
45	Vĩnh Long	146.650.000
46	Sóc Trăng	96.950.000
47	An Giang	59.850.000
48	Đồng Tháp	64.750.000
49	Bạc Liêu	38.850.000
50	Cà Mau	17.500.000



**Phụ lục 2**

**NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG BẢO ĐẢM CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI CÁN BỘ  
ĐÀN SƠ KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN PHẢI  
NGHỈ VIỆC DO SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **612/QĐ-TTg** ngày **06** tháng 5 năm 2010  
của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: đồng

Số TT	Tỉnh, thành phố	NSDP bảo đảm
1	2	3
	<b>Tổng số</b>	<b>1.793.400.000</b>
01	Hà Nội	959.350.000
02	Hải Phòng	183.400.000
03	Quảng Ninh	183.750.000
04	Vĩnh Phúc	243.950.000
05	Đà Nẵng	700.000
06	Khánh Hòa	36.750.000
07	TP.Hồ Chí Minh	30.800.000
08	Đồng Nai	99.400.000
09	Bình Dương	14.700.000
10	Bà Rịa-Vũng Tàu	39.200.000
11	Cần Thơ	1.400.000